

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14-9-2021

V/v tranh chấp về ly hôn,  
chia tài sản khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đới

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp về ly hôn” và Tòa án thụ lý bổ sung yêu cầu “Chia tài sản khi ly hôn” ngày 09 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Lưu Thị L, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn T1, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Kiều Hữu S, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 11 tháng 6 năm 2021, bản tự khai ngày 25 tháng 6 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kiều Hữu S kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 08 tháng 12 năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà của cha mẹ đẻ chị L thuộc thôn T1, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn vào tháng 6 năm 2018 do bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh S rất chặt chẽ về kinh tế trong gia đình và nghi ngờ chị sống không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Tháng 01 năm 2019, anh S chuyển toàn bộ tài sản của anh bỏ về nhà anh ở tại thôn M, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng. Từ đó anh chị sống ly thân, đến tháng 8 năm 2019 chị nộp đơn xin ly hôn anh S nhưng do hai bên gia đình Kên giải để vợ chồng về đoàn tụ nên chị rút đơn. Sau khi chị rút đơn tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh chị vẫn sống ly thân, anh S thường xuyên nhắn tin xúc phạm, đe dọa chị và các thành viên gia đình chị trong thời gian dài. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh S.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Kiều Hữu S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh S trình bày: Thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn vào ngày 05 tháng 12 năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, chị L không tôn trọng anh và gia đình anh. Chị L đã vất hết quần áo của anh và đuổi anh ra khỏi nhà nên cuối tháng 12 năm 2018 anh về nhà anh tại thôn M, xã N ở, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ vì còn tình cảm với chị L.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Ngày 23 tháng 7 năm 2021, anh S nộp đơn bổ sung yêu cầu “Chia tài sản khi ly hôn” với chị L, được Tòa án thụ lý bổ sung. Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18 tháng 8 năm 2021, anh S đính chính yêu cầu chia chi phí xây, sửa phòng trong nhà chị L hết tổng số tiền 10.500.000 đồng tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09 tháng 8 năm 2021 do cộng nhầm, nên tính lại là: Chi phí xây, sửa phòng trong nhà của chị L vào tháng 01 năm 2018 hết tổng số tiền 8.950.000 đồng, trong đó 1.000 viên gạch chỉ giá 1.100.000 đồng; 500 kg xi măng giá 750.000 đồng; 02 khối cát xây và 01 khối cát trát giá 900.000 đồng (300.000<sup>d</sup>/01 khối cát); 01 thùng S tường giá 500.000 đồng; đặt thợ mộc đóng 01 cửa phòng bằng gỗ có khuôn bao giá 4.000.000 đồng; 01 quạt thông gió phòng giá 500.000 đồng; tiền thuê 02 thợ xây, 01 phụ xây giá 1.200.000 đồng (400.000 đồng/01 ngày công/01 người). Giữ nguyên yêu cầu chia các tài sản chung khác tại các văn bản đã yêu cầu trước đây gồm: Mua thiết bị điện lắp trong

các phòng ở tầng 01 trong nhà chị L gồm 10 ổ cắm điện và 08 bóng đèn tuýp giá 1.200.000 đồng; mua máy khoan giá 950.000 đồng. Mua 01 nồi cơm điện nhãn hiệu Panasonic giá 3.020.000 đồng và 01 máy giặt Sam sung giá 5.200.000 đồng tại Siêu thị điện máy xanh huyện T, thành phố Hải Phòng vào tháng 02 năm 2018. Chi phí đóng cửa sổ phòng bằng gỗ có khuôn bao lắp ở phòng con riêng chị L trên tầng 02 giá 4.000.000 đồng. Mua 01 máy điều hòa nhãn hiệu Daikin 9000 BTU giá 8.700.000 đồng tại Siêu thị điện máy M, huyện T, thành phố Hải Phòng vào tháng 4 năm 2018. Mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, biển kiểm soát 15 B3 - 142.74 giá 61.500.000 đồng tại cửa hàng xe máy Q2, huyện T, thành phố Hải Phòng vào tháng 8 năm 2018. Mua 01 bộ chăn, ga, gối hãng Elan giá 3.200.000 đồng; mua 01 máy bơm nước giếng khoan giá 1.100.000 đồng, 01 đồng hồ và đường ống dẫn nước sinh hoạt lắp đặt vào nhà chị L giá 2.100.000 đồng tháng 9 năm 2018.

Tổng trị giá tài sản chung tại thời điểm chi phí sửa chữa, lắp đặt và mua các tài sản 99.920.000 đồng. Anh S đang sử dụng 01 máy giặt Sam sung đã chuyển về nhà của anh, các tài sản còn lại nêu trên hiện đang do chị L quản lý, sử dụng ở nhà chị L tại thôn T1, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Anh S yêu cầu được chia đôi tài sản chung, tính giá trị bằng tiền tại thời điểm yêu cầu chia. Anh nhận tiền mặt, để chị L tiếp tục sử dụng các tài sản nêu trên.

Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi anh S có đơn yêu cầu chia tài sản chung, chị L chỉ thừa nhận anh chị có 03 tài sản chung mua vào tháng 02 năm 2018 gồm: 01 nồi cơm điện nhãn hiệu Panasonic giá 3.020.000 đồng mua tại Siêu thị điện máy xanh huyện T; 01 máy giặt Samsung giá 5.200.000 đồng; 01 điều hòa Daikin 9.000 BTU giá 8.700.000 đồng; tháng 10 năm 2017, chị có mua 01 bộ chăn, ga, gối hãng Elan với số tiền 2.200.000 đồng tại cửa hàng H; địa chỉ: Số 55, phố M, thị trấn T, thành phố Hải Phòng nhưng đây là tài sản riêng có trước thời kỳ hôn nhân của chị; tháng 8 năm 2018, chị và anh S cùng đi mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, biển kiểm soát 15 B3 - 142.74 giá 61.500.000 đồng tại cửa hàng xe máy Q2, huyện T, thành phố Hải Phòng. Chị mua bằng tiền riêng của chị có vay thêm bố mẹ để chị 50.000.000 đồng và chị phải tự trả hết số nợ đó nên xe mô tô nêu trên là tài sản riêng của chị. Những tài sản khác anh S liệt kê không phải là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản của bố mẹ đẻ chị là ông Lưu Văn C, bà Nguyễn Thị L1. Chị đồng ý để anh S sử dụng 01 máy giặt đã chuyển về nhà riêng anh S, không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của anh S.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 23 tháng 7 năm 2021, anh S có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với chị L, qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ,

xác định chi phí mua thiết bị lắp đặt, sửa chữa vào nhà anh chị đã chung sống là nhà thuộc sở hữu của cha mẹ đẻ của chị L. Vì vậy, Tòa án đã đưa cha mẹ đẻ chị L là ông Lưu Văn C, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960; cùng nơi cư trú: Thôn T1, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự trong các ngày 11 và ngày 12 tháng 8 năm 2021, bà L1, ông C thống nhất trình bày: Chị L quen biết với anh S từ năm 2016, có dẫn về gia đình ông bà 02 lần. Đầu tháng 11 năm 2017, đại diện gia đình anh S có sang nói chuyện với gia đình ông bà và đặt vấn đề về việc anh chị tìm hiểu nhau và muốn tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, anh chị sẽ về chung sống tại nhà của ông bà là một nhà 02 tầng, diện tích 64,0 m<sup>2</sup> có công trình phụ khép kín của ông bà đã được UBND huyện T, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 168346, diện tích 671,0 m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 432, tờ bản đồ số 21; địa chỉ: Thôn T1, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; số vào sổ cấp GCN: CH 03237, ngày 15 tháng 6 năm 2018, đứng tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là ông Lưu Văn C, ông bà đồng ý. Khoảng giữa tháng 11 năm 2017 ông bà bàn với nhau về việc sửa chữa nhà để đến ngày 08 tháng 12 năm 2017 tổ chức lễ cưới cho anh chị và tiến hành sửa chữa nhà, cụ thể như sau: Do nhà còn gạch cũ nên ông bà chỉ mua thêm 300 viên gạch chỉ mới, loại gạch hai lỗ giá 300.000 đồng, 1,5 m<sup>3</sup> cát giá 450.000 đồng, 250 kg xi măng giá 300.000 đồng, 02 thùng S (01 thùng 05 lít S màu và 01 thùng S lót 2,5 lít với giá khoảng 1.000.000 đồng. Bà L1 đưa tiền cho chị L mua tất cả nguyên vật liệu trên tại cửa hàng vật liệu xây dựng Chuẩn Huyện; địa chỉ: Đường 212, thôn Bình Huệ, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Mua thiết bị điện gồm: 01 bộ đèn tuýp để lắp đặt trong phòng bếp và 01 bộ đèn tuýp để lắp đặt trong phòng khách với giá 160.000 đồng; 01 máy khoan giá 750.000 đồng (hiện nay đã bị hỏng) và 01 quạt thông gió giá 300.000 đồng tại cửa hàng thiết bị điện nước Hiệu Hoạt; địa chỉ: Đường 212, thôn Bình Huệ, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng. Bà L1 đưa tiền, chị L là người trực tiếp đi mua. Ông bà còn đặt thợ mộc đóng thêm 01 cửa phòng bằng gỗ có khuôn bao giá 4.000.000 đồng, đóng cửa sổ phòng bằng gỗ (hai Ch) cho con riêng chị L giá 3.900.000 đồng tại nhà ông Vị (không rõ họ tên, năm sinh) có địa chỉ: Thôn Bình Huệ, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng, đến tháng 12 năm 2017 ông Vị mới vào nhà ông bà lắp đặt cửa. Tổng số tiền ông bà bỏ ra để mua nguyên vật liệu và các thiết bị khác để sửa nhà là khoảng hơn 11.000.000 đồng, do không tính các chi phí nhỏ khác. Ông bà không mất tiền thuê thợ vì người trực tiếp xây, trát nhà là ông C. Ngoài ra, còn nhờ ông bác họ là ông Lưu Văn Đường, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn T1, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng xây giúp không tính tiền công, do trước đây ông Đường xây nhà ông C cũng phụ giúp vài ngày. Con trai ông bà là anh Lưu Tiến K là người phụ vữa, S tường. 01 máy bơm nước giếng khoan của gia

đình đã có từ năm 2016, không phải mua trong lúc sửa chữa nhà. Sau đó, tháng 11 năm 2018 con trai ông bà là anh K xây nhà cần nhiều nước trộn cát, xi măng và sinh hoạt, vì thế máy bơm này bị hỏng. Ông bà đã bỏ tiền mua 01 máy bơm nước giếng khoan và lắp đặt 01 đồng hồ, đường ống dẫn nước sinh hoạt để sử dụng nước máy. Tổng số tiền mua đồng hồ và đường ống dẫn nước là 2.200.000 đồng. Ông bà khẳng định, việc sửa chữa được thực hiện chủ yếu từ tháng 11 năm 2017 là trước thời kỳ chị L và anh S kết hôn. Việc lắp cửa gỗ được thực hiện vào tháng 12 năm 2017. Toàn bộ chi phí mua nguyên vật liệu xây dựng, thiết bị điện, nước phục vụ cho việc sửa chữa, lắp đặt vào nhà là của ông bà bỏ ra không L1 quan đến anh S, chị L. Anh S chỉ sang ở rể trong nhà 02 tầng này của ông bà từ cuối tháng 12 năm 2017 đến tháng 01 năm 2019. Thời điểm sửa nhà tháng 11 năm 2017, anh S chỉ phụ ông C lắp 01 bóng điện ở bếp ăn, 01 bóng điện ở phòng khách. Trong thời kỳ hôn nhân giữa anh chị, anh S không đóng góp thêm công sức, chi phí nào khác trong việc sửa chữa, lắp đặt, mua tài sản làm tăng giá trị nhà của ông bà.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 20 tháng 8 năm 2021, anh S rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn với chị L. Chị L, ông C và bà L1 cùng đồng ý và đều không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, anh S vắng mặt, chị L giữ nguyên quan điểm khởi kiện, yêu cầu giải quyết như đơn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án. Do vắng mặt bị đơn nên các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn về cơ bản đã thực hiện quyền, nhưng chưa chấp hành đầy đủ nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L, cho chị Lưu Thị L được ly hôn anh Kiều Hữu S.

Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của anh S đối với chị L.

Về công nợ: Anh chị đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản khi ly hôn. Do anh S đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn với chị L nên số tiền 10.000.000 đồng anh S đã nộp lệ phí để tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được trả lại cho anh S. Ngày 23 tháng 8 năm 2021, anh S đã nhận lại đủ số tiền nêu trên nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *- Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là “Tranh chấp về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Kiều Hữu S là bị đơn có nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án xác định tư cách của những người tham gia tố tụng trong vụ án gồm: Nguyên đơn là chị L, bị đơn là anh S; ngày 23 tháng 7 năm 2021, anh S có yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đối với chị L, qua xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ, xác định chi phí mua thiết bị lắp đặt, sửa chữa vào nhà anh chị đã chung sống là nhà thuộc sở hữu của cha mẹ đẻ của chị L. Vì vậy, Tòa án đã đưa cha mẹ đẻ chị L là ông Lưu Văn C, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1960; cùng nơi cư trú: Thôn T1, xã Q, huyện T, thành

phố Hải Phòng vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan về phía nguyên đơn. Ngày 20 tháng 8 năm 2021, anh S rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với chị L. Chị L, ông C và bà L1 cùng đồng ý và đều không có yêu cầu, đề nghị gì khác. Nên Tòa án không đưa ông C, bà L1 tiếp tục tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ L1 quan trong vụ án.

*- Về nội dung:*

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn, anh S xin đoàn tụ. Căn cứ vào tài liệu do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án và việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự tại chính quyền địa phương, những người L1 quan thể hiện chị L kết hôn với anh S do tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K vào ngày 08 tháng 12 năm 2017. Như vậy, hôn nhân giữa chị L và anh S là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá chung vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng. Trong thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng từ tháng 12 năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin về quản lý kinh tế, anh S nghi ngờ chị L không chung thủy và cho rằng chị L sống không hòa hợp với gia đình anh S nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh S bỏ về nhà riêng của anh tại thôn M, xã N, huyện K ở từ tháng 01 năm 2019, nên anh chị sống ly thân nhau. Tháng 8 năm 2019, chị L nộp đơn xin ly hôn anh S, sau đó chị tự nguyện rút đơn, Tòa án nhân dân huyện K đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 25/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019. Tuy nhiên, sau khi rút đơn tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp, anh chị vẫn sống ly thân. Gia đình hai bên đã Kên bảo, hòa giải để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, có đủ cơ sở để xác định hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị L có căn cứ, cần được chấp nhận, nên xử cho chị L được ly hôn anh S là phù hợp với các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh S.

[3] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đề nghị chia đôi tài sản chung tại thời điểm lắp đặt thiết bị, sửa chữa nhà và mua đồ dùng phục vụ sinh hoạt gia đình hết tổng số tiền 99.920.000 đồng, tính giá trị bằng tiền tại thời điểm tranh chấp để chia. Đến ngày 20 tháng 8 năm 2021, anh S có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản khi ly hôn đối với chị L. Xét việc rút toàn bộ đơn yêu cầu chia tài sản của anh S là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Chị L, bà L1 và ông C đều đồng ý với việc rút toàn bộ đơn yêu cầu của anh S và không có yêu cầu, đề nghị gì khác L1 quan đến tài sản nên cần được chấp nhận. Về

công nợ: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S có cha đẻ là Liệt sĩ nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do anh S được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và đã rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản trước khi mở phiên tòa nên anh S không phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản khi ly hôn, không tiến hành việc định giá tài sản. Đối với số tiền anh S đã nộp tạm ứng 10.000.000 đồng để chi phí cho việc định giá tài sản được trả lại cho anh S. Ngày 23 tháng 8 năm 2021, anh S đã nhận lại đủ số tiền nêu trên, nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 217; Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị L được ly hôn anh Kiều Hữu S.
2. Về tài sản chung, công nợ: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của anh S đối với chị L. Anh S có quyền khởi kiện lại yêu cầu này. Về công nợ: Đương sự đều không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.
3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu: AA/2016, số: 0009351 ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị L đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản khi ly hôn.
4. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7<sup>a</sup> và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K, HP;
- Chi cục THADS huyện K, HP;
- UBND xã N, huyện K, HP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Đức Hoàng**